CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HIỆU QUẢ QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TẠI BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHIỆT ĐIỆN VĨNH TÂN

● PHAN QUAN VIỆT - VÕ THỊ THẢO - ĐINH HOÀNG ANH TUẤN

TÓM TẮT:

Nghiên cứu nhằm tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân (AVT). Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 6 yếu tố tác động cùng chiều đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng, theo mức độ giảm dần: (1) Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư; (2) Quản lý thi công xây dựng công trình; (3) Quản lý khảo sát và thiết kế xây dựng công trình; (4) Dự án đầu tư xây dựng; (5) Nghiệm thu thanh toán và quyết toán vốn đầu tư (6) Công tác lựa chọn nhà thầu. Dựa trên kết quả nghiên cứu, tác giả đề xuất một số hàm ý quản trị liên quan đến các yếu tố ảnh hưởng, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân.

Từ khóa: các yếu tố ảnh hưởng, quản lý dự án, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Phan Thiết.

1. Đặt vấn đề

Trong quá trình quản lý và giải trình với các cơ quan nhà nước, nhiều vấn đề trong thực tế nảy sinh các vướng mắc bất cập không lường trước được như: vấn đề về thi công trên công trường, bồi thường giải phóng mặt bằng, nghiệm thu thanh quyết toán, vấn đề môi trường xã hội, đời sống của cư dân cộng đồng quanh dự án và đặc thù của từng dự án.

Để trong thời gian tới, công tác quản lý dự án giảm thiểu bớt vướng mắc trở ngại và thực hiện được tốt hơn, tác giả lựa chọn đề tài: "Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân".

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Lý thuyết chung về quản lý dự án đầu tư

Quản lý dự án là quá trình lập kế hoạch, điều phối thời gian, nguồn lực và giám sát quá trình phát triển của dự án nhằm đảm bảo cho dự án hoàn thành đúng thời hạn, trong phạm vi ngân sách được duyệt và đạt được các yêu cầu đã định về kỹ thuật và chất lượng sản phẩm dịch vụ bằng những phương pháp và điều kiện tốt nhất cho phép.

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất (Hình 1)

Trên cơ sở các khái niệm của những nhân tố trên, tác giả đề xuất mô hình và giả thuyết nghiên cứu như sau:

H1: Dự án đầu tư xây dựng ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

H2: Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

H3: Công tác lựa chọn nhà thầu ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

H4: Quản lý khảo sát, thiết kế xây dựng công trình ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

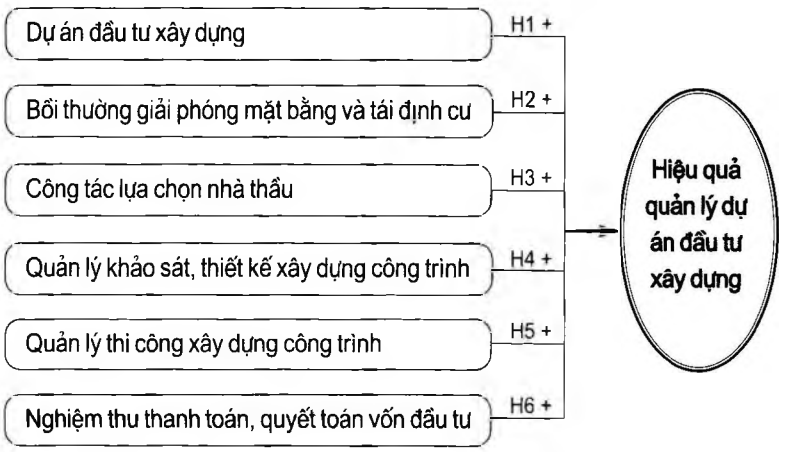

H5: Quản lý thi công xây dựng công trình ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

H6: Nghiệm thu thanh toán, quyết toán vốn đầu tư ảnh hưởng dương đến hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chính thức là nghiên cứu định lượng. Thông qua phương pháp chọn mẫu phi xác suất, các bảng hỏi được thiết kế trên khổ giấy A4 và được gửi đến các cán bộ quản lý, nhân viên, người lao động đã trực tiếp tham gia xây dựng các dự án do Ban AVT quản lý thông qua hệ thống thông tin nội bộ. Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng kỹ thuật phân tích nhân tố khám phá (EFA), kích thước mẫu nghiên cứu được chọn theo quy tắc thực nghiệm của Hair & ctg (1998).Mô hình lý thuyết gồm 7 khái niệm nghiên cứu (6 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc) được đo lường bằng 24 biến quan sát. Vì thế, theo quy tắc thực nghiệm của Hair & ctg (1998), kích thước mẫu tối thiểu là 120 (24 x 5). Để đạt được kích thước mẫu tối thiểu này, sau khi loại bỏ các phiếu trả lời không hợp lệ, tác giả đã phát ra 180 phiếu khảo sát.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo Crobach Alpha (Bảng 1)

Bảng 1. Kết quả kiểm định chất lượng thang đo

STT	Yếu tố	Mã hóa	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach Alpha nếu loại bỏ biến này
Dự án đầu tư xây dựng, Cronbach Alpha = 0.846						
1	Năng lực tổ chức, quản lý và thực hiện dự án	DAXD1	13.4111	5.696	.657	.813
2	Chất lượng dự án đầu tư	DAXD2	13.3611	5.785	.626	.821
3	Việc áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật và chế độ chính sách	DAXD3	13.3778	5.722	.650	.815
4	Tiến độ thực hiện dự án	DAXD4	13.5611	5.466	.680	.807
5	Hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của dự án	DAXD5	13.3111	5.947	.654	.815
Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư, Cronbach Alpha = 0.874						
1	Phương án bồi thường, hỗ trợ triển khai kịp thời	GPMB1	9.9611	4.228	.700	.851
2	Phương án bồi thường hợp lý, được sự đồng thuận của tổ chức, cá nhân bị ảnh hưởng	GPMB2	9.9611	4.317	.732	.837
3	Công tác phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan	GPMB3	9.9444	4.243	.766	.824
4	Giải quyết khiếu nại của người dân	GPMB4	9.9667	4.401	.721	.841

STT	Yếu tố	Mã hóa	Trung bình thang đo nếu loại biến	Phương sai thang đo nếu loại biến	Tương quan biến tổng	Cronbach Alpha nếu loại bỏ biến này
Công tác lựa chọn nhà thầu, Cronbach Alpha = 0.825						
1	Trình tự tổ chức thực hiện lựa chọn nhà thầu	CTNT1	6.2056	1.684	.683	.761
2	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	CTNT2	6.7389	1.881	.670	.771
3	Năng lực thực hiện của nhà thầu	CTNT3	6.3111	1.813	.696	.745
Quản lý khảo sát, thiết kế xây dựng công trình, Cronbach Alpha = 0.767						
1	Quản lý chất lượng khảo sát	KSTK1	6.6111	1.636	.561	.730
2	Quản lý chất lượng thiết kế	KSTK2	6.6111	1.457	.632	.651
3	Tiến độ khảo sát thiết kế các công trình	KSTK3	6.5333	1.625	.611	.677
Quản lý thi công xây dựng công trình, Cronbach Alpha = 0.863						
1	Quản lý tiến độ thi công xây dựng	QLTC1	12.8556	5.655	.641	.845
2	Quản lý chất lượng công trình và an toàn lao động, môi trường xây dựng	QLTC2	12.7778	5.425	.689	.833
3	Quản lý khối lượng thi công xây dựng	QLTC3	12.2389	5.289	.726	.824
4	Quản lý chi phí đầu tư xây dựng	QLTC4	12.2111	5.352	.672	.837
5	Quản lý hợp đồng xây dựng	QLTC5	12.2500	5.194	.688	.833
Nghiệm thu thanh toán, quyết toán vốn đầu tư, Cronbach Alpha = 0.823						
1	Chất lượng hồ sơ nghiệm thu thanh toán	NTTT1	10.0722	3.151	.618	.790
2	Thời gian nghiệm thu thanh toán kịp thời	NTTT2	10.0333	3.172	.643	.778
3	Chất lượng hồ sơ quyết toán vốn đầu tư	NTTT3	10.0722	3.218	.641	.779
4	Tiến độ quyết toán các công trình, dự án	NTTT4	10.1389	3.137	.682	.760
Hiệu quả quản lý dự án đầu tư xây dựng, Cronbach Alpha = 0.847						
1	Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng tại Ban AVT là tốt	HQ1	10.0222	4.033	.748	.779
2	Việc quy hoạch, quản lý các dự án đầu tư xây dựng phù hợp với chính sách mang tính kết nối hiệu quả	HQ2	9.9778	4.268	.645	.824
3	Việc thực hiện cơ chế đặc biệt các dự án do Ban AVT quản lý tuân thủ văn bản của Chính phủ	HQ3	10.0167	4.117	.742	.782
4	Thực hiện giải ngân, thanh toán các hợp đồng đáp ứng kế hoạch được duyệt, đáp ứng tiến độ dự án	HQ4	9.9833	4.463	.609	.838

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra của tác giả

Nhìn chung, các thang đo trên đều có hệ số Cronbachs Alpha khá cao (> 0.6). Tất cả các biến quan sát của thang đo này đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0.3, do đó, chúng đều được sử dụng cho phân tích EFA tiếp theo.

4.2. Phân tích nhân tố khám phá EFA (Bảng 2)

Kiểm định sự thích hợp của phân tích nhân tố đối với các dữ liệu ban đầu bằng chỉ số KMO (Kaiser - Meyer- Olkin). Thước đo KMO trong phân tích nhân tố cho thấy, hệ số KMO đạt 0.852

Bảng 2. Kết quả kiểm định KMO và Bartletts biến độc lập

Hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin)		0.852
Kiểm định Bartletts của thang đo	Giá trị Chi bình phương	1981.146
	df	276
	Sig. – mức ý nghĩa quan sát	.000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra của tác giả

(> 0.5). Kết quả này cho thấy phân tích nhân tố là thích hợp với dữ liệu thực tế.

Kiểm tính tương quan giữa các biến quan sát

Sử dụng Barletts test trong Bảng 2, giá trị Sig. = 0.000 (Sig. = 0.000 < 0.05), kết quả chỉ ra các biến quan sát có tương quan tuyến tính trong mỗi nhân tố.

Kiểm định phương sai trích

Tại Bảng 3, các mức giá trị Eigenvalues lớn hơn 1 và với phương pháp rút trích principal components và phép quay varimax, phân tích nhân tố đã trích được 6 nhân tố từ 24 biến quan sát với tổng phương sai trích là 68,518% (lớn hơn 50%) đạt yêu cầu.

4.3. Phân tích hồi quy bội

Mô hình có 6 biến độc lập: DAXD, GPMB, CTNT, KSTK, QLTC, NTTT đảm bảo có ý nghĩa thống kê với độ tin cậy trên 95%, tại Bảng 4 giá trị lớn nhất Sig. = 0.018 (Sig. ≤ 0.05).

Bảng 3. Tổng phương sai được giải thích biến độc lập

Total Variance Explained									
Component	Initial Eigenvalues			Extraction Sums of Squared Loadings			Rotation Sums of Squared Loadings		
	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %	Total	% of Variance	Cumulative %
1	6.731	28.045	28.045	6.731	28.045	28.045	3.343	13.928	13.928
2	2.808	11.700	39.745	2.808	11.700	39.745	3.186	13.275	27.203
3	2.404	10.016	49.761	2.404	10.016	49.761	2.776	11.566	38.768
4	1.758	7.327	57.087	1.758	7.327	57.087	2.685	11.189	49.957
5	1.525	6.355	63.443	1.525	6.355	63.443	2.349	9.789	59.746
6	1.218	5.076	68.518	1.218	5.076	68.518	2.105	8.772	68.518
7	.679	2.830	71.348						

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra của tác giả

Bảng 4. Thống kê phân tích các hệ số hồi quy

Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Sai số chuẩn	Beta			Dung sai	VIF
1	Hằng số	-.830	.289		-2.877	.005		
	DAXD	.174	.057	.153	3.072	.002	.917	1.091
	GPMB	.327	.063	.331	5.223	.000	.562	1.778
	CTNT	.135	.057	.130	2.394	.018	.765	1.308
	KSTK	.173	.060	.154	2.884	.004	.798	1.253
	QLTC	.310	.063	.265	4.900	.000	.775	1.291
	NTTT	.157	.063	.135	2.492	.014	.766	1.305

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra của tác giả

4.4. Kết quả kiểm định ANOVA

Kiểm định F sử dụng trong phân tích phương sai (Anova) là phép kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể. Trong bảng phân tích phương sai (Bảng 5) cho thấy, trị số F có mức ý nghĩa với Sig. = 0.000 (< 0.05), có nghĩa mô hình hồi quy tuyến tính đưa ra là phù hợp với dữ liệu thực tế thu thập được, các biến đưa vào đều có ý nghĩa trong thống kê với mức ý nghĩa 5%.

phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích hồi quy. Sau đó kiểm định sự phù hợp của mô hình nghiên cứu với các giả thuyết đã được đưa ra.

Kết quả phân tích cho thấy, có 6 yếu tố ảnh hưởng đến Hiệu quả QLDA ĐTXD đó là: biến Bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư (GPMB) có tác động mạnh nhất (β = 0.331). biến Quản lý thi công xây dựng công trình (β = 0.265); biến Quản lý khảo sát và thiết kế xây dựng công trình (β = 0.154); biến Dự án đầu tư xây dựng (β = 0.153); biến Nghiệm thu thanh toán và quyết toán vốn đầu tư (β = 0.135); tác động thấp nhất là biến Công tác lựa chọn nhà thầu (β = 0.130). Như vậy, các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 H6 đều được chấp nhận ở độ tin cậy 95% ■

Bảng 5. Phân tích Kiểm định ANOVA

Mô hình		Tổng bình phương	Bậc tự do (df)	Trung bình bình phương	F	Sig.
1	Hồi quy	48.633	6	8.106	44.884	.000b
	Phần dư	31.242	173	.181		
	Tổng	79.875	179			

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu điều tra của tác giả

5. Kết luận

Nghiên cứu đã trình bày kết quả về mẫu nghiên cứu dưới dạng mô tả thống kê, kết quả về kiểm định các thang đo của các khái niệm nghiên cứu thông qua đánh giá độ tin cậy Cronbachs Alpha,

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Chính phủ (2019), *Nghị định 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.*

2. Bùi Mạnh Cường (2007), Nâng cao hiệu quả đầu tư xây dựng cơ bản của nhà nước. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 5 tr. 33-36.

3. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS.* Nhà xuất bản Hồng Đức, TP. HCM.

4. Ngô Lê Minh (2008), Công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng. *Tạp chí Xây dựng*, Bộ Xây dựng 6/2008.

5. Nguyễn Đình Thọ và Nguyễn Thị Mai Trang (2011). *Nghiên cứu thị trường.* Nhà xuất bản Lao động, Hà Nội.

6. Từ Quang Phương (2005). *Quản lý dự án đầu tư.* Nhà xuất bản Lao động - Xã hội, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 5/5/2021
Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 22/5/2021
Ngày chấp nhận đăng bài: 10/6/2021

Thông tin tác giả:
1. TS. PHAN QUAN VIỆT
Trường Đại học Công nghệ TP.HCM (HUTECH)
2. VÕ THỊ THẢO
Ban quản lý Dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Bình Thuận
3.ThS. ĐINH HOÀNG ANH TUẤN
Trường Đại học Phan Thiết

FACTORS AFFECTING THE EFFICIENCY OF CONSTRUCTION INVESTMENT PROJECT MANAGEMENT AT THE PROJECT MANAGEMENT BOARD OF VINH TAN THERMAL POWER COMPANY

● Ph.D **PHAN QUAN VIET**
Ho Chi Minh City University of Technology
● **VO THI THAO**
Vinh Tan Thermal Power Project Management
● Master. **DINH HOANG ANH TUAN**
Phan Thiet University

ABSTRACT:
This study is to find out the factors affecting the efficiency of construction investment project management at the Project Management Board of Vinh Tan Thermal Power Company. The study finds out that there are 6 factors which have positive correlations with the efficiency of construction investment project management. These factors, which are listed in descending order of influencing level, are (1) Compensation for site clearance and resettlement; (2) Construction management; (3) Survey and construction design management; (4) Construction investment projects; (5) Acceptance, payment and settlement of investment capital; and (6) Contractor selection. Based on the study's results, some managerial implications are proposed to improve the efficiency of construction investment project management at the Project Management Board of Vinh Tan Thermal Power Company.

Keywords: influencing factors, project management, Vinh Tan Thermal Power Company, Phan Thiet Province.